

VŨ NGỌC KHÁNH. **Quan lại trong lịch sử Việt Nam**. H.: Thanh niên, 2009, 466 tr., Vb 46400.

“Quan” là tiếng chỉ vào việc công, ông quan là người ra làm việc công, là người làm việc nhà nước (dù là nhà nước thuộc chế độ nào). “Lại” chỉ người làm việc phụ thuộc trong nha môn, được làm việc, nhưng không có quyền lực. Sau này, ta có chữ công chức (dịch đúng từ tiếng Pháp) dùng cho bất cứ thời đại nào. Song dưới thời phong kiến, thì công chức nào cũng đều được xem, được gọi là quan lại.

Nội dung cuốn sách đi sâu vào giới quan lại Việt Nam – một trong nhiều lĩnh vực, theo tác giả, nhằm đi tìm bản sắc Việt Nam. Tuy nhiên, trong cuốn sách này tác giả giới hạn, chỉ đề cập đến các *quan* từ đời nhà Lý về sau này (nhưng cũng không phải tất cả), chứ chưa nói đến *lại*. Tác giả trình bày tương đối đầy đủ theo trình tự biên niên, thứ tự năm sinh của các ông.

Sách gồm hai phần.

Phần I nêu lên đặc điểm của giới quan lại Việt Nam và giới thiệu về một số ông quan Việt Nam trong tiến trình lịch sử.

Phần II là phụ lục, trích dẫn một số bài thơ và giai thoại về các ông quan, cho người đọc biết cách đánh giá và nhìn nhận những viên quan này của quần chúng và của các thế hệ đương thời.

KHÁNH CHI

NGUYỄN QUANG THUẤN. **Các giải pháp phát triển quan hệ Nga - ASEAN trong bối cảnh hội nhập quốc tế mới** (Sách chuyên khảo) H.: Từ điển bách khoa, 2009, 243 tr., Vb 47898.

Xu thế toàn cầu hoá và khu vực hoá đang diễn ra mạnh mẽ và tác động nhiều đến việc định hướng chính sách đối ngoại của các nước và khu vực, trong đó có Nga và ASEAN. Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Liên bang Nga ngày càng quan tâm nhiều hơn tới ASEAN nói riêng và khu vực châu Á-Thái Bình Dương nói chung. Điều này thể hiện rõ trong chính sách hướng Đông của Liên bang Nga. Nội dung cuốn sách được trình bày trong 3 chương.

Chương 1 dự báo bối cảnh quốc tế và khu vực, tiềm năng và chính sách phát triển của Nga và ASEAN tác động đến quan hệ Nga – ASEAN trên các lĩnh vực chủ chốt những năm đầu thế kỷ XXI.

Chương 2 đánh giá thực trạng quan hệ Nga – ASEAN giai đoạn 2001-2008 trên những lĩnh vực như thương mại, đầu tư, năng lượng, quân sự, khoa học kỹ thuật..., những kết quả đã đạt được, những vấn đề đặt ra hiện nay và nguyên nhân.

Trên cơ sở đó, ở chương 3, tác giả đưa ra những giải pháp thúc đẩy quan hệ Nga – ASEAN trong các lĩnh vực chủ chốt, đặc biệt nhằm thực hiện chương trình tổng thể về phát triển hợp tác Nga – ASEAN giai đoạn 2005-2015.

HOÀI PHÚC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.
Chính sách phát triển thị trường bất động sản: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam (Sách tham khảo). H.: Thống kê, 2009, 205 tr., Vb 47792.

Thị trường bất động sản là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. Việc phát huy hiệu quả và bền vững thị trường này sẽ đóng góp to lớn vào sự phát triển có hiệu quả và bền vững của cả nền kinh tế.

Cuốn sách tập trung trình bày kinh nghiệm của một số nước trên thế giới (cả ở khu vực các nước có nền kinh tế phát triển, các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Đông Âu, các nước công nghiệp mới và các nước đang phát triển Đông Nam Á) về chính sách phát triển thị trường bất động sản - những kinh nghiệm nổi bật và thích hợp để vận dụng vào hoàn cảnh của Việt Nam.

Nội dung sách gồm 6 chương. Chương 1-5 phân tích kinh nghiệm của các nước về: xây dựng khung pháp lý cho chính sách phát triển thị trường bất động sản; chính sách đất đai và địa chính phục vụ phát triển thị trường này; chính sách phát triển bất động sản là nhà ở, khu công nghiệp; chính sách tài chính-tiền tệ trong các kênh huy động vốn đầu tư bất động sản; chính sách phát triển thị trường bất động sản theo mô hình kinh tế thị trường XHCN của Trung Quốc. Trên cơ sở đó, chương 6 rút ra một số bài học cho Việt Nam về chính sách phát triển thị trường này.

TRUNG HẬU

SILVIO L. EMERY, WYN ELLIS, MONTRI CHULAVATNATOL. **Thái Lan. Những chiến lược đổi mới đầy khả năng cạnh tranh** (Kiến Văn, Cảnh Dương biên dịch). H.: Thời đại, 2009, 272 tr., Vb 47889.

Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết của nhiều nhà kinh tế nổi tiếng của Thái Lan và thế giới nhằm nghiên cứu và phân tích nguyên nhân từng bước thay đổi (cả thất bại lẫn thành công) của Thái Lan để có một thương hiệu "Made in Thailand" có chỗ đứng khả quan trên thế giới. Một loạt các vấn đề cơ bản được các tác giả đề cập tới trong cuốn sách giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về chiến lược cạnh tranh, đổi mới giáo dục, sáng tạo trong công nghệ, đổi mới trong chính phủ, cơ quan cải cách quốc gia Thái Lan, đặc biệt là giúp cho bạn đọc hiểu rõ vai trò của sáng tạo đối với sự phát triển của đất nước cũng như có cái nhìn sâu sắc về những khó khăn và thách thức trong việc củng cố cơ sở khoa học và công nghệ của quốc gia, biến khoa học và công nghệ thành sự tăng trưởng GDP và tăng khả năng cạnh tranh của Thái Lan trên thế giới.

Ngoài lời nhà xuất bản, lời nói đầu, sách được kết cấu thành 8 chương:

Chương 1, *Đổi mới*;

Chương 2, *Thái Lan trên đà đi lên*, tổng hợp các vấn đề từ quá khứ đến hiện tại bao gồm kinh tế, thương mại trong nước và quốc tế, phát triển nhân lực, các khía cạnh về văn hóa và hiện tượng "kinh tế Thaksin", những động lực sáng tạo trong các ngành kinh tế trọng điểm;

Chương 3, *Chiến lược cạnh tranh*;

Chương 4, *Đổi mới giáo dục*, nghiên cứu sự đổi mới trong giáo dục, đặc biệt là những tác động xã hội của phương tiện thông tin đại chúng mới và quá trình học tập với Internet trong việc mở rộng cơ hội học tập và nâng cao chất lượng giáo dục;

Chương 5 tập trung vào sáng tạo công nghệ, phân tích quá trình tiến bộ của Thái Lan trong nấc thang sáng tạo và đổi mới;

Chương 6 đề cập đến sự *đổi mới trong Chính phủ Thái Lan*, nhấn mạnh đến một loạt khía cạnh liên quan đến sáng tạo trong các thể chế hành chính công;

Chương 7 *giới thiệu về cơ quan cải cách quốc gia Thái Lan*;

Chương 8, *sự sáng tạo*, đề cập đến các phương hướng phát triển trong tương lai của Thái Lan.

TRỌNG VŨ

VCCI, SIDA, ILO. **Hợp tác công – tư vì người nghèo**. H.: Chính trị Quốc gia, 2009, 227 tr., Vv 9334.

Trong những năm gần đây, hợp tác công – tư ngày càng được áp dụng nhiều ở Việt Nam và các nước trên thế giới nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách quốc gia trong các lĩnh vực như: xây dựng kết cấu hạ tầng, cung cấp các dịch vụ công cho người dân. Những lợi ích, rủi ro và nguồn lực trong hợp tác công – tư được chia sẻ hợp lý giữa các bên đối tác. Hợp tác công – tư đang là một xu hướng trên thế giới và thấy khá rõ ở các nước đang trong quá trình chuyển từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường.

Ở Việt Nam, kể từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương huy động mọi nguồn lực xã hội, cả trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế – xã hội, nhiều mô hình, dự án hợp tác sáng tạo đã được triển khai để cải tạo đường giao thông nông thôn, cải thiện môi trường sống của cộng đồng, cung cấp một số dịch vụ công cho người dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Trong giai đoạn tới, khi Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, hình thức hợp tác công – tư sẽ ngày càng phát triển đa dạng và có vai trò ngày càng lớn.

Cuốn sách gồm 2 phần.

Phần thứ nhất: *khái niệm và phương pháp*, trình bày những vấn đề chung về quan hệ hợp tác công – tư, làm sáng tỏ hợp tác công – tư vì người nghèo; tiếp đó đi sâu vào các vấn đề cụ thể như: kế hoạch kinh doanh, khung pháp lý, đàm phán,

Phần thứ hai: *hướng dẫn tổ chức thực hiện*.

HÀ AN

ĐỖ LONG. **Tâm lý học với văn hóa ứng xử**. H.: Văn hóa-Thông tin & Viện Văn hóa, 2009, 285 tr., Vb 47958.

Tâm lý học và văn hóa là hai lĩnh vực rất rộng lớn thuộc KHXH&NV. Tuy hai chuyên ngành này có đối tượng nghiên cứu khác nhau, nhưng đều có một mục đích chung là làm cho *con người trở thành con người*, thúc đẩy nhanh sự phát triển và hoàn thiện của con người, của xã hội. Quá trình thành nhân của mỗi con người đều có cội

nguồn, có cơ sở cả từ tâm lý lẫn từ văn hóa.

Khi bàn về mối quan hệ qua lại giữa tâm lý học và văn hóa học, trong đó có văn hóa ứng xử, tác giả cuốn sách đã phân tích một số vấn đề như bản năng và văn hóa, quan hệ giữa con người và văn hóa, nhân cách nhìn từ phương diện tâm lý học và văn hóa học, xây dựng môi trường văn hóa, văn hóa ứng xử..., từ đó phác họa rõ nét hơn con đường hình thành và phát triển văn hóa ứng xử mà hiện nay còn chưa được bàn nhiều trong nền học thuật ở Việt Nam về văn hóa cũng như về tâm lý.

Ngoài Lời dẫn, Thay lời kết, nội dung sách được bố cục thành 4 phần.

Phần I - Tâm lý và văn hóa, trước khi bàn về văn hóa ứng xử, tác giả làm rõ một loạt vấn đề như bản năng và văn hóa con người; cơ sở tâm lý học của văn hóa; nhân cách văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa từ góc nhìn tâm lý.

Phần II - Tâm lý nông dân và những biểu hiện cụ thể của văn hóa ứng xử đối với cư dân nông nghiệp.

Phần III - Năng lực của cán bộ cơ sở và văn hóa ứng xử với người dân.

Phần IV - Văn hóa ứng xử với môi trường sinh thái qua hành vi thải rác, tác giả đưa ra sáu giải pháp nâng cao văn hóa ứng xử với hành vi thải rác.

HẠ VẤN

PATRICIA ABURDENE. **7 đại xu hướng 2010** (Nguyễn Xuân Hồng dịch). H.: Lao động – xã hội, 2009, 297 tr., Vb 48060.

Tác giả đã làm rõ trong cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính toàn cầu

hiện nay, khi thực tế chệch ra ngoài mọi dự đoán và phân tích của các chuyên gia, khi mọi cá nhân đều cảm thấy bị đe dọa, không phân biệt quốc gia, tầng lớp hay nghề nghiệp, thì những hiện tượng được mô tả ở đây tuy có vẻ hiển nhiên nhưng không khỏi khiến người ta giật mình, tự vấn, lật lại vấn đề. Một nền kinh tế ổn định, phát triển hay khủng hoảng, có lẽ chỉ là biểu hiện bên ngoài của những xu hướng bất biến và mang tính chân lý. Khi các cá nhân và tổ chức cùng tham gia vận hành một CNTB có ý thức và đầy trách nhiệm thì cuộc khủng hoảng sẽ chỉ là một cơn đau có tác dụng chữa lành bệnh.

Trong khái niệm “CNTB có ý thức”, tác giả cuốn sách khéo léo xây dựng luận điểm chúng ta không còn ở trong thế giới doanh nghiệp một chiều, nơi những lợi ích của cổ đông luôn thống trị nữa. Thành công không chỉ được đo đếm thông qua lăng kính của cổ đông mà còn bởi cộng đồng các bên có quyền lợi liên quan, nơi “các giá trị” ngày càng có vai trò.

Cuốn sách chỉ ra 7 xu hướng lớn buộc giới kinh doanh phải công nhận sức mạnh tài chính của sự chính trực, đánh giá đúng tác động kinh tế của sự thật và học cách ứng xử của những nhà lãnh đạo có niềm tin.

Với người đọc Việt Nam, những xu hướng được mô tả trong cuốn sách mang tính nhận định và tổng kết hơn là dự báo, đưa đến một cái nhìn toàn cảnh, thể hiện những lựa chọn ưu tiên và mong muốn của một “người trong cuộc”, xung quanh môi trường kinh tế, hoạt động ứng xử của doanh nghiệp Mỹ, mà

rất nhiều người vẫn coi là một mô hình cần tham khảo và học tập.

Ngoài lời giới thiệu và phần kết luận, 7 xu hướng được trình bày trong cuốn sách gồm: 1/ Sức mạnh tinh thần – từ cá nhân đến tổ chức; 2/ Buổi bình minh của CNTB có ý thức; 3/ Vai trò dẫn đầu của lãnh đạo cấp trung; 4/ Tinh thần trong kinh doanh; 5/ Người tiêu dùng đề cao giá trị; 6/ Làn sóng những giải pháp có ý thức; 7/ Bùng nổ đầu tư có trách nhiệm xã hội.

KHÁNH VÂN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÂM. **Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay (Trường hợp làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh)**. H.: Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa. 2009, 458 tr., Vb 47947.

Trong khoảng 2 thập kỷ gần đây, một thực tế xã hội dễ nhận thấy là tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam rất mạnh mẽ, công cuộc đô thị hóa và công nghiệp hóa cũng ngày càng phát triển mở rộng. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đó đã kéo theo những biến đổi xã hội sâu sắc, trong đó có sự biến đổi văn hóa ở các làng quê.

Ngoài sự kế thừa kết quả nghiên cứu từ các nguồn tài liệu đã công bố,

đồng thời sử dụng các phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, phỏng vấn định lượng (bảng hỏi cho hộ gia đình được chọn ngẫu nhiên theo cụm dân cư), phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, đánh giá nhanh, kiểm tra độ tin cậy của thông tin..., tác giả cuốn sách cố gắng tìm ra được bản chất và cơ chế của sự biến đổi văn hóa ở các làng quê, cụ thể là trường hợp một số làng quê của tỉnh Bắc Ninh, trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay.

Những vấn đề chính được đề cập trong nội dung cuốn sách là: Bối cảnh lý thuyết và thực tiễn của quá trình nghiên cứu về biến đổi văn hóa và biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay; Những xu hướng biến đổi của đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa; Những vấn đề đặt ra trong quá trình biến đổi văn hóa xã hội của ba làng; và Những giải pháp cần thiết cho chiến lược phát triển bền vững ở ba làng cũng như các khu vực nông thôn Bắc Ninh và những nơi có quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng hiện nay.

VŨ HIẾU